

CÔNG TY CP VĨNH HOÀN/  
VINH HOAN CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 242/CV-VHC2024

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2024  
Ho Chi Minh City, 10 December 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức /*Organization name*: **CÔNG TY CP VĨNH HOÀN/ VINH HOAN CORPORATION**
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: VHC
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Quốc lộ 30, P11, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp /*National Road 30, Ward 11, Cao Lanh City, Dong Thap Province, Vietnam*
- Điện thoại/ *Telephone*: +84 2773 891 166 fax: +84 277 389 1062
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Lê Thị Nhiệm /*Le Thi Nhiem*  
Chức vụ/ *Position*: Người được Ủy quyền CBTT/ *Authorized Information Disclosure*

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type*:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand

**Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:**

- Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin.

*Resolution of the Board of Directors Vinh Hoan Corporation on the issuance of the Information Disclosure*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/12/2024 tại đường dẫn: <http://vinhhoan.com/investor-news/>

*This information was disclosed on Company's Portal on 10 December 2024, available at: <http://vinhhoan.com/investor-news/>.*



Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./  
*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/Attachment:

- Quyết định và Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn.  
*The decision and the regulation on the disclosure of information by Vinh Hoan Corporation.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**  
NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT



Số: 10/12/VHC.QĐ - HĐQT24

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế công bố thông tin

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn được ban hành theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021 ngày 29/4/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 09/01/2024 (sửa đổi lần thứ 13);
- Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy chế công bố thông tin”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 / 12 /2024.

Điều 3. Các Ông/Bà Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Đơn vị và cá nhân có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Thư ký HĐQT, VT Công ty;



TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH



# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

(Ban hành theo Quyết Định số: 1012/VHC.QĐ - HĐQT24 ngày 10 tháng 12 năm 2024)

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 12 năm 2024



*nhu*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	3
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng. ....	3
Điều 2: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt.....	3
Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 5: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin. ....	5
Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin. ....	5
<b>CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	5
Điều 7: Công bố thông tin định kỳ.....	5
Điều 8: Công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn. .8	
Điều 9: Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	9
Điều 10: Công bố thông tin bất thường. ....	9
Điều 11: Công bố thông tin theo yêu cầu .....	11
Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu một số trường hợp đặc biệt	11
Điều 13: Công bố thông tin mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ .....	12
Điều 14: Công bố thông tin về chào mua công khai .....	12
Điều 15: Công bố thông tin trong các trường hợp khác .....	12
Điều 16: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VHC, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết .....	12
Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng .....	13
Điều 18: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của VHC và người có liên quan của người nội bộ .....	13
<b>CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	15
Điều 19: Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin .....	15
Điều 20: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin: .....	15
Điều 21: Tổ chức thực hiện – Xử lý vi phạm .....	15
Điều 22: Hiệu lực thi hành.....	15

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định của pháp luật hiện hành và việc phối hợp quan hệ công tác giữa các phòng, ban, bộ phận của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
- Đối tượng áp dụng:** Các đối tượng có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin được quy định trong Quy chế này bao gồm:
  - Bộ phận công bố thông tin;
  - Người thực hiện công bố thông tin;
  - Trưởng các Phòng ban, Đơn vị liên quan;
  - Người nội bộ của công ty và Người có liên quan người nội bộ;
  - Công đoàn cơ sở của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn;
  - Cổ đông;
  - Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;
  - Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

### Điều 2: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

#### 1. Các từ viết tắt

Stt	Từ viết tắt	Giải thích
1	CBTT	Công bố thông tin
2	SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
3	TCTLKVBTKVN	Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
4	UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
5	HĐQT	Hội đồng Quản trị
6	TV	Thành viên
7	BKS	Ban kiểm soát
8	NQ	Nghị Quyết
9	TT-BTC	Thông tư – Bộ tài chính
10	BCTC	Báo cáo tài chính
11	BCTN	Báo cáo thường niên
12	BC	Báo cáo
13	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
14	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

## 2. Giải thích từ ngữ

- a. Cổ phần là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- b. Cổ phiếu là chứng chỉ do VHC phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VHC.
- c. Cổ đông lớn là cổ đông của VHC có sở hữu từ năm phần trăm (5%) số cổ phần quyền biểu quyết trở lên.
- d. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT bao gồm các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế.
- e. Người nội bộ của VHC là chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, người đại diện theo pháp luật và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); thư ký VHC, người phụ trách quản trị VHC, người được ủy quyền CBTT.
- f. Công đoàn cơ sở của VHC phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với “người nội bộ”
- g. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế;
- h. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên các phương tiện thông tin theo quy định tại Quy chế này và quy định của Pháp luật.
- i. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
- j. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập;
- k. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định theo quy định tại khoản 12, Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế.

### Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin

1. CBTT của VHC phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK, và trên website của VHC.
2. Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt, VHC thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được áp dụng. VHC thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình được quy định tại Thông tư số 68/2024/TT-BTC.
3. Thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và phải được bảo quản, lưu giữ tại VHC theo quy định như sau:
  - a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có, dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm và trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm).

- b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

**Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin**

1. VHC phải thực hiện nghĩa vụ CBTT qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của VHC.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.
3. VHC phải đăng ký, đăng ký lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

**Điều 5: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

1. Các phương tiện VHC sử dụng báo cáo, CBTT bao gồm:
  - a. Trang thông tin điện tử (website) của VHC;
  - b. Hệ thống CBTT của UBCKNN;
  - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
  - d. Trang thông tin điện tử của TCTLKVBTKVN;
  - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
2. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

**Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...) và phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

**CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 7: Công bố thông tin định kỳ**

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
1	BCTC năm (gồm BCTC của công ty mẹ và BCTC hợp nhất)		
1.1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10%</li> </ul>
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét	



Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
	toán được chấp thuận	nhưng không vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có). Trường hợp đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý	Công bố BCTC quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công bố BCTC quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</li> <li>Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại</li> </ul>
2	BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thông tin tài chính trong BCTN phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán
3	Báo cáo quản trị VHC theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT- BTC		
3.1	Báo cáo tình hình quản trị bán niên	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Đối với SGĐCK, VHC gửi hai (02) bản báo cáo gồm:  Một (01) bản báo cáo đầy đủ các nội dung và một (01) bản rút gọn không bao gồm các thông tin cá nhân theo mẫu tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
3.2	Báo cáo tình hình quản trị năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	
4	Bản cung cấp thông tin về quản trị theo Quy chế CBTT tại SGĐCK Tp. Hồ Chí Minh		
4.1	Bản cung cấp thông tin về quản trị bán niên	Chậm nhất là ngày 30/07	Tài liệu bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 theo Quy chế CBTT tại SGĐCK Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>Một (01) bản dữ liệu điện tử theo mẫu</li> </ul>
4.2	Bản cung cấp thông tin về quản trị năm	Chậm nhất là ngày 31/01 của năm tiếp theo	
5	Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)		
5.1	Họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
		Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	<p>Phải CBTT trên trang thông tin điện tử của VHC và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông báo hoặc thư mời họp gửi đến toàn cổ đông;</li> <li>• Chương trình họp;</li> <li>• Phiếu biểu quyết;</li> <li>• Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</li> </ul>
		Tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (CBTT trường họp có bầu cử HĐQT, BKS hoặc TV HĐQT, TV BKS, nếu đã xác định được ứng cử viên HĐQT, BKS)	
		Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành.  {CBTT các tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, Nghị quyết}	Phải CBTT trên trang thông tin điện tử của VHC
5.2	Trường họp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	VHC phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết

**Điều 8: Công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn**

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
1	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	<p>Phải công bố Bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của VHC.</p> <p>Đồng thời, Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VHC và SGDCK.</p> <p>(Mẫu Bản thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng thực hiện theo Phụ lục số 13 Thông tư 118/2020/TT-BTC)</p>
		Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán	<p>Tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN và CBTT kết quả chào bán, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng (theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành theo Thông tư 118/2020/TT-BTC).</li> <li>Xác nhận của Ngân hàng nơi VHC mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán (ngoại trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi theo quy định tại Thông tư 118/2020/TT-BTC).</li> </ul>
2	Chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.	Phụ lục 14 Thông tư 118/2020/TT- BTC
		Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng Phụ lục 21 Thông tư 118/2020/TT- BTC
3	Báo cáo huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư	Định kỳ 06 tháng từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động	<p>Phải báo cáo UBCKNN tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án (theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành theo Nghị định 155/2020/NĐ- CP).</p> <p>Và CBTT trên trang thông tin điện tử của SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn phát hành.</p> <p>Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, VHC phải báo cáo UBCKNN (theo Mẫu số 02 phụ lục ban hành theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và CBTT nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của VHC, Sở giao dịch chứng khoán. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHCĐ gần nhất.</p>

**Điều 9: Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
1	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của VHC và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu		CBTT trên trang thông tin điện tử của VHC và của SGDCK, TCTLKVBTKVN và hệ thống CBTT của UBCKNN
2	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ	<ul style="list-style-type: none"><li>BC 06 tháng đầu năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/5 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/6.</li><li>BC 06 tháng cuối năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/12</li><li>Hoặc thời điểm khác theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK</li></ul>	VHC gửi Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ VHC theo số cổ đông gần nhất tại thời điểm 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm dương lịch đến SGDCK

**Điều 10: Công bố thông tin bất thường**

Trong thời gian 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện bất thường sau đây, VHC phải CBTT trong đó nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có):

1. Tài khoản của VHC tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi VHC có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.
3. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, VHC phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
4. Quyết định mua lại cổ phiếu của VHC hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi

- nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
  8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc để giải thể công ty con, công ty liên kết.
  9. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa VHC với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của VHC;
  10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
  11. VHC thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn từ chức của người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ VHC). Đồng thời, VHC gửi cho UBCKNN, SGDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Đối với SGDCK thì gửi kèm Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu tại Quy chế của SGDCK và các quy định pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế.
  12. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với VHC, người nội bộ của VHC; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của VHC;
  13. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của VHC; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
  14. VHC nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
  15. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ của VHC;
  16. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của VHC tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với VHC là công ty mẹ);
  17. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của VHC (xác định theo vốn điều lệ của VHC vốn góp trước thời điểm góp vốn);
  18. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của VHC căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp VHC là công ty mẹ thì căn cứ vào BCTC hợp nhất;
  19. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;
  20. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của VHC;
  21. Trường hợp VHC nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính VHC, VHC phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
  22. CBTT về ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Việc CBTT về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định của VHC và của pháp luật;

23. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, VHC phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
24. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: VHC CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (trừ trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ thì phải tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến).
25. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, VHC phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư Thông tư 96/2020/TT-BTC
26. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:  
Sau khi thay đổi kỳ kế toán, VHC công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

**Điều 11: Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, VHC phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGĐCK nơi VHC niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
  - b. Có thông tin liên quan đến VHC ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó;
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGĐCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của VHC về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

**Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu một số trường hợp đặc biệt**

Stt	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	CBTT phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là ngày kết thúc đợt phát hành	Phụ lục 17 Thông tư 118/2020/TT- BTC
2	CBTT phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong VHC	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu cho người lao động	Phụ lục 18 Thông tư 118/2020/TT- BTC
3	BC kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Phụ lục 28 Thông tư 118/2020/TT- BTC

4	BC kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong VHC	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thường cho người lao động	Phụ lục 29 Thông tư 118/2020/TT- BTC
---	---	---	--------------------------------------

**Điều 13: Công bố thông tin mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ**

Stt	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	CBTT mua lại cổ phiếu của chính VHC/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại/bán cổ phiếu quỹ	
2	BC kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu	Phụ lục 39 Thông tư 118/2020/TT- BTC
3	Thông báo quyết định của VHC về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định	Phụ lục 37 Thông tư 118/2020/TT- BTC
4	Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Phụ lục 38 Thông tư 118/2020/TT- BTC

**Điều 14: Công bố thông tin về chào mua công khai**

Stt	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Ghi chú
1	CBTT chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Phụ lục 20 Thông tư 118/2020/TT- BTC
2	BC kết quả chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Phụ lục số 33 Thông tư 118/2020/TT-BTC

**Điều 15: Công bố thông tin trong các trường hợp khác**

VHC thực hiện CBTT theo quy định tại của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế tại từng thời điểm phát sinh, các trường hợp:

1. Khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, VHC thực hiện CBTT về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;
2. Về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu;
3. Khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng;
4. Khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp.

**Điều 16: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VHC, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của VHC phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho VHC, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của VHC khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho VHC, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12, Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VHC; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VHC. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.
5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do VHC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc VHC phát hành thêm cổ phiếu.
6. VHC phải công bố trên trang thông tin điện tử của VHC trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

**Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng**

1. Tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), TCTLKVBTKVN và VHC về việc thực hiện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.
2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), TCTLKVBTKVN, VHC về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, VHC công bố trên trang thông tin điện tử của VHC.

**Điều 18: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của VHC và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của VHC và người có liên quan của các đối tượng này phải CBTT, báo cáo



trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), VHC khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
  - b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;
  - c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
  - d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp VHC quản lý quỹ, chi nhánh VHC quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;
  - e. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (Trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
  3. Quy định về nghĩa vụ CBTT tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp VHC chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của VHC hoặc người có liên quan của đối tượng này.
  4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của VHC hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này.
  5. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, VHC phải công bố trên trang thông tin điện tử của VHC.

### CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 19: Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền CBTT là đầu mối thu thập các thông tin, kiểm tra, đối chiếu tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, CBTT và thực hiện nghĩa vụ CBTT của VHC theo quy định tại Quy chế này.
2. Người được ủy quyền CBTT được yêu cầu các phòng ban chức năng cung cấp có liên quan các thông tin để thực hiện CBTT đúng quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng Giám đốc về việc thực hiện CBTT.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.

#### Điều 20: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin:

1. Trưởng các phòng ban chức năng chủ động phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin định kỳ để CBTT và các thông tin khác theo yêu cầu của Người được ủy quyền CBTT.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp.

#### Điều 21: Tổ chức thực hiện – Xử lý vi phạm

1. Quy chế CBTT được phổ biến đến toàn bộ các phòng ban, đơn vị trực thuộc và các cá nhân của VHC.
2. Đơn vị, cá nhân thuộc VHC có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây ra thiệt hại cho VHC liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### Điều 22. Hiệu lực thi hành

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật thay thế chúng. Trường hợp pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Quy chế này trái với quy định pháp luật hoặc có những nội dung mà Quy chế này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định khác của VHC có liên quan.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH